

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14/2025/HS-ST**
Ngày 28-5-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Châu Thị Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tám;
2. Ông Lưu Văn Thành.

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Ngọc Yến, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: ông Trần Hoàng Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 13/2025/TLST-HS ngày 04 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2025/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 4 năm 2025 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa hình sự sơ thẩm số 14/TB-TA ngày 15 tháng 5 năm 2025, đối với bị cáo:

Phan Công B, sinh ngày 21 tháng 12 năm 1985, tại huyện T, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Công M, sinh năm 1959 và bà Võ Thị Y, sinh năm 1962; có vợ là Cù Thị Phương N, sinh năm 1997 (đã ly hôn năm 2024) và 02 con, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2020; tiền sự: không; tiền án: Ngày 25/3/2009, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xử phạt 42 (Bốn mươi hai) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Bản án số 11/2009/HSST.

Nhân thân: Ngày 04/4/2005, bị Công an xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam xử phạt vi phạm hành chính số tiền 200.000 đồng về hành vi “*Trộm cắp tài sản*”; Ngày 07/4/2005, bị Công an thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam xử phạt vi phạm hành chính số tiền 200.000 đồng về hành vi “*Trộm cắp tài sản*”; Ngày 21/4/2005, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xử phạt 10

(Mười) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Bản án số 09/HSST; Ngày 05/8/2005, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xử phạt 12 (Mười hai) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Bản án số 21/2005/HSST; Ngày 14/8/2013, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xử phạt 27 (Hai mươi bảy) tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo Bản án số 34/2013/HSST.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 20/LCĐKNCT-TA ngày 12 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Nam. *Có mặt.*

- Bị hại: anh Trần Văn T, sinh năm 1979. Địa chỉ: tổ 2, thôn L, xã Quế H, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. *Vắng mặt.*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Nguyễn T, sinh năm 1990. Địa chỉ: tổ dân phố H, thị trấn H, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. *Vắng mặt.*

+ Anh Phan Công T, sinh năm 1995. Địa chỉ: thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. *Vắng mặt.*

+ Anh Trần Ngọc T, sinh năm 1974. Địa chỉ: thôn L, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. *Vắng mặt.*

+ Chị Trần Thị H, sinh năm 1988. Địa chỉ: tổ 2, thôn L, xã Quế H, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 28/3/2024, bị cáo Phan Công B có ý định đến địa bàn huyện Q, tỉnh Quảng Nam để trộm cắp xe mô tô dùng làm phương tiện đi lại nên bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 92H1-478.40 (xe của anh Phan Công T là chủ sở hữu) đi từ nhà mình đến nhà anh Nguyễn T, nói dối anh T đi đến nhà bạn ở khu vực Đèo L (thuộc xã Quế L, huyện Q) để chơi, ăn nhậu và rủ anh T cùng đi, anh T đồng ý đi với bị cáo. Bị cáo điều khiển xe mô tô chở anh T đi trên đường ĐT611 đến Đèo L thì dừng lại uống nước, uống nước xong, bị cáo điều khiển xe chở anh T quay về thì anh T hỏi bị cáo là nhà bạn của bị cáo ở đâu, bị cáo nói dối anh T là bạn của bị cáo không có ở nhà, hẹn lại hôm khác. Bị cáo chở anh T từ Đèo L về lại hướng thị trấn Đ, khi đến ngã ba đường ĐT611 và đường ĐH01QS thuộc xã Quế L thì bị cáo điều khiển xe rẽ theo hướng xã Quế H, huyện Q, khi rẽ được một đoạn khoảng 01 km thì cả hai đứng lại đi vệ sinh. Sau khi đi vệ sinh xong thì bị cáo bảo anh T điều khiển xe chở bị cáo đi tiếp. Khi cả hai đến khu vực đèo Đá T thuộc xã Quế H, lúc này bị cáo ngồi sau phát hiện có 02 xe mô tô đi phía bên phải đường bê tông theo hướng đi nên có ý định lấy xe này, nhưng bị cáo không nói cho anh T biết. Khi đi qua khỏi 02 xe mô tô khoảng 20m, bị cáo nói anh T dừng xe lại, anh T hỏi bị cáo “*làm gì rửa*”, bị cáo trả lời “*lấy xe máy này về để đi*”, anh T nói lại “*làm rửa không được*” và bị cáo nói lại

“mày về trước đi”. Sau khi nghe bị cáo nói về, do sợ liên quan đến pháp luật nên anh T điều khiển xe mô tô biển số 92H1-478.40 về nhà tại thị trấn H. Khi anh T điều khiển xe mô tô đi về, lúc này khoảng 09 giờ 30 phút, bị cáo đi bộ lại vị trí 02 xe mô tô bên đường, bị cáo quan sát xung quanh không thấy ai, bị cáo nhìn thấy một xe mô tô Wave màu xanh biển số 92N6-3144 có sẵn chìa khóa trên xe nên bật chìa khóa xe, khởi động và điều khiển xe mô tô vừa trộm cắp đi theo hướng về xã Quế H rồi về nhà mình tại thôn T, xã B, huyện T. Bị cáo sợ phát hiện nên tháo biển số xe 92N6-3144 ra và thay biển số 92K2-3383 vào rồi dùng phương tiện đi lại, sau đó bị cáo đón xe buýt ra lại nhà anh T lấy xe biển số 92H1-478.40 về, khi đến nhà anh T thì anh T đã đi làm nên bị cáo tự lấy xe ra về. Cùng ngày, sau khi phát hiện bị mất xe mô tô, anh Trần Văn T báo cáo Công an xã Quế H để được giải quyết.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 18/KL-HĐĐGTS ngày 18/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Q kết luận: 01 (một) xe mô tô biển số 92N6-3144, nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh có giá trị là 2.500.000 đồng.

Vật chứng thu giữ trong vụ án: 01 (một) xe mô tô có số khung RLHC09003Y389922, số máy: HC09E0390008; 01 (một) biển số xe 92K2-3383; 01 (một) xe mô tô biển số 92H1-478.40, có số khung: 3220GY008089, số máy E3X9E023645; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Trần Văn T, biển số 92N6-3144, số khung RLHC09003Y389922, số máy: HC09E0390008.

Tại Cáo trạng số 33/CT-VKSQS ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam đã truy tố bị cáo Phan Công B về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố tại Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phan Công B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt: căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Phan Công B mức án từ 18 đến 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận lại tài sản trộm cắp, nhận tiền bồi thường chi phí làm lại biển số xe và Giấy chứng nhận đăng ký xe. Bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề nghị xem xét.

Về xử lý vật chứng: toàn bộ vật chứng thu giữ đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quế Sơn trả lại cho chủ sở hữu theo đúng quy định của pháp luật nên không đề nghị xem xét.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn; đồng thời thống nhất với Quyết định của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn đưa bị cáo ra xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa, bị hại anh Trần Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn T có đơn xin xét xử vắng mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: anh Phan Công T, anh Trần Ngọc T và chị Trần Thị H đều vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử xét thấy những người tham gia tố tụng trên đã có lời khai tại hồ sơ vụ án và sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 và Điều 299 Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt họ tại phiên tòa.

[2]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quế Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3]. Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội, đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử kết luận:

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 28/3/2024, tại đoạn đường đèo Đá T thuộc xã Quế H, huyện Q, tỉnh Quảng Nam, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu, tài sản không có ai trông coi, bị cáo Phan Công B đã lén lút trộm cắp 01 xe mô tô biển số 92N6-3144 nhãn hiệu Honda Wave màu xanh của anh Trần Văn Thi có giá trị là 2.500.000 đồng. Vì vậy, Cáo trạng số 33/CT-VKSQS ngày 18 tháng 10 năm 2024 truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội danh.

Về định khung hình phạt đối với bị cáo:

Tại bản án số 21/2005/HSST ngày 05/8/2005 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xử phạt bị cáo Phan Công B 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt với Bản án số 09/2005/HSST ngày 21/4/2005 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xử phạt bị cáo 10 (Mười) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, buộc bị cáo chấp hành hình phạt của hai bản án là 22 (Hai mươi hai) tháng tù. Bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 29/8/2006.

Vào ngày 23/01/2008, bị cáo B tiếp tục phạm tội và bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xử phạt 42 (Bốn mươi hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 11/2009/HSST ngày 25/3/2009; căn cứ theo quy

định tại Điều 64 Bộ luật Hình sự năm 1999, tính đến ngày 23/01/2008, bị cáo B chưa được xoá án tích. Đến ngày 28/3/2024, bị cáo B lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo chưa thi hành xong phần trách nhiệm dân sự (bị hại có đơn yêu cầu thi hành án) theo Bản án số 11/2009/HSST ngày 25/3/2009 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam; căn cứ theo khoản 3 Điều 67 Bộ luật Hình sự năm 1999 thì bị cáo chưa được xoá án tích. Hội đồng xét xử xét thấy tại Bản án số 11/2009/HSST ngày 25/3/2009 của Tòa án nhân dân huyện T đã xét xử hành vi phạm tội của bị cáo B là hành vi “tái phạm” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999. Đến ngày 28/3/2024, bị cáo chưa được xoá án tích, vì vậy, lần phạm tội này bị cáo bị áp dụng tình tiết định khung hình phạt là “tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là phù hợp với nhân thân, đúng với tính chất hành vi của bị cáo.

[4]. Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: quyền sở hữu tài sản của mọi công dân được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại thời điểm phạm tội, bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng với bản tính tham lam, lười lao động, thích hưởng thụ trên thành quả lao động của người khác, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với mục đích thỏa mãn nhu cầu cá nhân của mình. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra thì mới có tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[5]. Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: bị cáo B đã nhiều lần bị xét xử về tội “*Trộm cắp tài sản*” và đi chấp hành án nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng mà lại tiếp tục phạm tội, điều đó thể hiện sự coi thường pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, nhưng cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân tốt cho xã hội.

[6]. Về những nội dung khác trong vụ án:

Đối với hành vi của anh Nguyễn T: anh T đi với bị cáo tới Đèo L thuộc xã Quế L, huyện Q với mục đích đi chơi và ăn nhậu, trên đường đi anh T không tha T, bàn bạc, trao đổi với bị cáo việc trộm cắp xe và không giúp sức cho bị cáo trộm xe nên hành vi của anh T không cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Anh T không biết rõ hành vi trộm cắp của bị cáo khi đang thực hiện và đã được thực hiện xong nên hành vi của anh T không cấu thành tội “*Không tố giác tội phạm*”.

Đối với việc bị cáo sử dụng xe mô tô biển số 92H1-478.40 làm phương tiện đi trộm cắp tài sản: quá trình điều tra xác định xe này của anh Phan Công T (là em ruột của bị cáo) là chủ sở hữu. Anh T để chìa khóa trên xe trước sân nhà, việc bị cáo lấy xe đi trộm cắp tài sản anh T không biết nên không xử lý là phù hợp.

Đối với biển số xe 92K2-3383 mà bị cáo gắn vào xe mô tô sau khi trộm cắp của anh T: qua xác minh xác định biển số xe của anh Trần Ngọc T làm mất vào năm 2023. Ông T không biết việc bị cáo dùng biển số trên gắn vào xe đã trộm cắp nên không xem xét là phù hợp.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận lại tài sản trộm cắp và số tiền 200.000 đồng bị cáo bồi thường thiệt hại. Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về xử lý vật chứng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quế Sơn đã trả lại toàn bộ vật chứng thu giữ cho chủ sở hữu theo đúng quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với biển số xe biển số 92N6-3144: sau khi trộm được xe, bị cáo tháo biển số này vứt đi, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quế Sơn đã truy tìm nhưng không tìm thấy. Bị hại đã nhận của bị cáo số tiền 200.000 đồng để làm lại biển số và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9]. Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: bị cáo Phan Công B phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: bị cáo Phan Công B 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Về án phí: căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Phan Công B phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (28-5-2025). Riêng bị hại và người có quyền lợi, nghĩa

vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Nam;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ (PV 06)
Công an tỉnh Quảng Nam;
- Bị cáo, người TGGT khác;
- Lưu hồ sơ vụ án; Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Châu Thị Kim Phượng